

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 10/01/2023.  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nam và ông Hoàng Bá Viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N** - Sinh năm 1985 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh **Bùi Văn B** - Sinh năm 1985 (vắng mặt không có lý do);

Cùng cư trú tại: Xóm TB, xã TY, huyện C, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/10/2022, ý kiến tại bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn B đăng ký kết hôn ngày 10/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lập, nay là xã TY, huyện C, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N và anh B về sống tại Xóm TB, xã TY, huyện C, tỉnh H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của nhau, anh B rượu chè, say sấn về nhà hay chửi bới vợ con một cách vô

có, bỏ bê không quan tâm đến vợ con, bỏ đi làm ăn xa đã hơn 4 năm nay không mang tiền về nuôi con, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn B.

Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Minh H, sinh ngày 30/7/2010. Hiện tại các cháu đang ở với chị N, sức khỏe của các cháu tốt, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, lý do vì các cháu sống với chị từ nhỏ, do chị trực tiếp chăm sóc, anh B thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến con nên không đảm bảo được việc nuôi con. Chị N chưa đề nghị anh B cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn B thường không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh được biết anh B đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên anh B vẫn về qua nhà và có nhắn tin và gọi điện qua điện thoại với chị N nhưng không cho chị N biết địa chỉ anh đang ở đâu. Xét thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp tổng đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh B vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể ghi nhận được lời khai của anh B.

**\* Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận:** Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn B cơ bản là do quan điểm sống không hợp nhau, anh B không quan tâm đến vợ con, bỏ đi làm ở đâu không cho ai biết dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, anh B vẫn có hộ khẩu tại địa phương nhưng anh B đi đâu làm gì không rõ, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N với anh Bùi Văn B. Về con chung: Chấp nhận giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Ngọc Th và Bùi Minh H đến khi cháu Th và cháu H đủ 18 tuổi. Chị N chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền thăm nom, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Bùi Thị N khởi kiện anh Bùi Văn B là vụ án dân sự tranh chấp “ly hôn”, căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình anh B có nơi cư trú tại Xóm TB, xã TY, huyện C, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

**Tại phiên tòa ngày 26/12/2022**, nguyên đơn chị Bùi Thị N có mặt, bị đơn anh Bùi Văn B vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, nên HĐXX hoãn phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Bùi Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản khoản 1 Điều 228 BLTTDS và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Văn B tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ 2. Vì vậy căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 10/7/2005, do UBND xã Yên Lập nay là xã Hợp Phong, huyện C, tỉnh H cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn B là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc quan điểm sống không đồng thuận, anh B ham chơi không quan tâm đến vợ con, rượu chè, say sỉn về nhà chửi bới vợ con một cách vô cớ, anh B bỏ đi làm ăn hơn 4 năm nay không mang tiền về nuôi con. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ông Trưởng Xóm TB, xã TY, huyện C cho thấy: Anh B và chị N không hợp nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã và xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, anh B bỏ đi làm ăn xa từ năm 2018, hiện tại chị N và anh B đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm gì đến cuộc sống, sinh hoạt của nhau đúng như chị N đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng anh B cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị N.

[3]. Về con chung: Xác định chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn B có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc Th sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Minh H, sinh ngày 30/7/2010. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và chưa đề nghị anh B cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của chị N HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Minh H, sinh ngày 30/7/2010 cho đến khi cháu Th và cháu H đủ 18 tuổi. Chị N chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh B chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị N xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

Anh Bùi Văn B vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Minh H, sinh ngày 30/7/2010 cho đến khi cháu Th và cháu H đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn B chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

*Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.*

*Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.*

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001818, ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đức Thịnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đức Thịnh**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đức Thịnh**



